

Số: /TTr-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

## TỜ TRÌNH

### Đề nghị xây dựng Nghị quyết chính sách hỗ trợ, đãi ngộ đối với giáo viên các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2025

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết chính sách hỗ trợ, đãi ngộ đối với giáo viên các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2025 như sau:

#### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

##### 1. Căn cứ pháp lý

Tại điểm đ, Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 đã quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau: “đ) Quyết định chính sách thu hút, khuyến khích đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại địa phương phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của địa phương và quy định của cơ quan nhà nước cấp trên”.

Căn cứ Khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước quy định thẩm quyền của HĐND tỉnh “Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chỉ có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ...”.

Căn cứ Thông báo số 361/TB-VPCP ngày 31/8/2023 của Văn phòng Chính phủ về việc Thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Hội nghị tổng kết năm học 2022 – 2023 và triển khai nhiệm vụ năm học 2023 – 2024 của ngành Giáo dục; tại điểm b, khoản 2 của văn bản về nhiệm vụ trong thời gian tới Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo: “- Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các địa phương theo thẩm quyền có giải pháp tài chính hỗ trợ giáo viên vùng sâu, vùng xa, giáo viên mầm non.....”

Căn cứ Thông báo số 207-TB/VPTU ngày 13/6/2023 về việc Thông báo Kết luận của Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại buổi làm việc Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh và các địa phương về tình trạng thiếu giáo viên trên địa bàn tỉnh; tại mục 3 đã giao trách nhiệm Ban Cán sự UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh

thông qua chính sách hỗ trợ, đãi ngộ đội ngũ giáo viên để thu hút mới và giữ chân đội ngũ giáo viên đang công tác tại các cơ sở giáo dục;

## **2. Sự cần thiết**

Quy định đảm bảo đội ngũ giáo viên là điều kiện quan trọng, tiên quyết trong việc tổ chức hoạt động dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục tại các cơ sở giáo dục. Trong thời gian qua, mặc dù biên chế đội ngũ giáo viên đã được quan tâm, tuy nhiên, so với quy định và thực tế tuyển dụng tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua, thực trạng đội ngũ giáo viên các cấp trên địa bàn tỉnh vẫn còn thiếu nhiều, cụ thể, so với định biên, đội ngũ giáo viên các cấp còn thiếu 3.599 giáo viên, trong đó: giáo viên nhà trẻ thiếu 203 người, mẫu giáo thiếu 442 người, tiểu học thiếu 2.166 người (tỷ lệ 1,5 GV/lớp để đáp ứng học 2 buổi/ngày); trung học cơ sở thiếu 627 người và trung học phổ thông thiếu 162 người; trong đó giáo viên trung học cơ sở và Trung học phổ thông thiếu ở các bộ môn khó tuyển dụng như: tin học, GDCN, âm nhạc, mỹ thuật.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn 2020-2023, tổng số giáo viên nghỉ việc ở các cấp học trên địa bàn tỉnh là 1.178 người (mầm non: 494 người, tiểu học: 322 người, trung học cơ sở: 278 người, trung học phổ thông: 84 người). Theo báo cáo của các đơn vị, một trong những nguyên nhân giáo viên nghỉ việc có lý do thu nhập, tiền lương chưa đảm bảo trang trải cho cuộc sống.

Việc thiếu giáo viên do không tuyển dụng được hoặc do giáo viên nghỉ việc đã tác động rất lớn đến hoạt động giáo dục tại các cơ sở giáo dục, nếu không có giải pháp xử lý sẽ kéo theo nhiều hệ lụy phức tạp, nhất là việc đảm bảo chất lượng giảng dạy, đảm bảo hoạt động ở các cơ sở giáo dục.

Mặt khác, trong thời gian tới sẽ tiếp tục phổ cập giáo dục mẫu giáo 3-4 tuổi, đẩy mạnh thực hiện tổ chức dạy học 2 buổi/ngày ở tiểu học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Do đó nhu cầu đảm bảo đội ngũ giáo viên càng cần phải giải quyết triệt để, kịp thời. Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ đối với giáo viên các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh là cần thiết, phù hợp với các quy định của pháp luật

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

- - Hình thành khung pháp lý cần thiết để thực hiện thu hút tuyển dụng giáo viên và hỗ trợ giữ chân giáo viên, từng bước hạn chế tình trạng giáo viên nghỉ việc, chuyển việc ra khỏi ngành. Thông qua chính sách nhằm thu hút, khuyến khích, hỗ trợ để bổ sung đội ngũ giáo viên cho các ngành học mầm non, tiểu học, giáo viên các bộ môn phổ thông khó tuyển dụng trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh để đảm bảo đội ngũ giáo viên về số lượng, chất lượng góp phần đáp ứng yêu cầu giảng dạy, nâng cao chất lượng trong nhà trường.

- Góp phần sử dụng hiệu quả biên chế hàng năm được giao cho ngành giáo dục, tạo động lực cho con em địa phương đi học sư phạm cũng như thu hút nguồn

nhân lực ngành giáo dục ở các địa phương khác về tình công tác nhằm khắc phục cơ bản tình trạng thiếu giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học và giáo viên bỏ việc ở các cơ sở giáo dục công lập trong thời gian qua.

- Thể hiện sự quan tâm, đột phá của tỉnh đối với ngành giáo dục, nhất là công tác đảm bảo đội ngũ giáo viên cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh trong tình hình hầu hết các địa phương đều thiếu đội ngũ giáo viên như hiện nay. Nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, đoàn thể và địa phương trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học khi được tuyển dụng vào các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

## **2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết**

Bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Việc xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo yêu cầu về tính hợp hiến, hợp pháp, đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng ngân sách địa phương.

Việc xây dựng chính sách phải bám sát các chủ trương của Đảng và phải phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh Đồng Nai.

## **III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT**

### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ, đãi ngộ đối với giáo viên các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2025.

### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Giáo viên tham gia tuyển dụng mới, trúng tuyển và nhận công tác ở các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh.

b) Giáo viên tham gia tuyển dụng mới, trúng tuyển và nhận công tác ở các bộ môn khó tuyển dụng gồm: tin học, âm nhạc, mỹ thuật, giáo dục công dân ở cấp học phổ thông.

c) Giáo viên tham gia tuyển dụng mới, trúng tuyển và nhận công tác ở các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên ở địa bàn các xã gồm: Sông Nhạn, Thừa Đức, Xuân Quế - huyện Cẩm Mỹ; Cây Gáo, Thanh Bình, Sông Thao, Bà Hàm - huyện Trảng Bom; Mã Đà, Phú Lý, Hiếu Liêm - huyện Vĩnh Cửu; Xuân Phú, Lang Minh - huyện Xuân Lộc; Đắc Lua, Tà Lại, Phú Bình - huyện Tân Phú; Lộ 25, Xuân Thiện - huyện Thống Nhất; Phú Túc, Túc Trung, Phú Vinh, Phú Tân, Thanh Sơn, Phú Lợi - huyện Định Quán.

d) Giáo viên đã được tuyển dụng, công tác ở các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật; giáo viên dạy chương trình GDTX địa bàn tỉnh.

đ) Giáo viên được tuyển dụng theo chỉ tiêu biên chế và công tác giảng dạy tại Trường Chính trị tỉnh.

#### **IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

##### **1. Mục tiêu**

- Hình thành khung pháp lý cần thiết để thu hút giáo viên khi thực hiện tuyển dụng; hỗ trợ giữ chân giáo viên an tâm công tác. Từng bước khắc phục triệt để tình trạng thiếu giáo viên và hạn chế tình trạng giáo viên nghỉ việc do lương thấp

Nâng cao trình độ, chất lượng đào tạo giáo viên mầm non đồng thời góp phần chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy và học cho giáo viên và học sinh trên địa bàn tỉnh.

##### **2. Nội dung của chính sách**

###### **2.1. Các chính sách**

###### **2.1.1. Chính sách 1: Chính sách hỗ trợ thu hút tuyển mới giáo viên**

###### **a) Mục tiêu của chính sách**

Ban hành chế độ hỗ trợ nhằm thu hút tuyển mới giáo viên ở các ngành học, cấp học, ở các cơ sở giáo dục, ở các bộ môn giảng dạy và các địa bàn khó tuyển giáo viên trong thời gian qua

###### **b) Nội dung chính sách**

Chính sách xác định rõ đối tượng thu hút, mức hỗ trợ thu hút một lần, điều kiện thu hút. Chính sách phù hợp với điều kiện, nguồn lực cân đối của địa phương. Cụ thể, đối tượng thu hút, mức hỗ trợ thu hút như sau:

- Thu hút tuyển dụng đối với giáo viên mầm non: hỗ trợ một lần là 150.000.000 đồng/người

- Thu hút tuyển dụng đối với giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, GDTX dạy văn hóa: hỗ trợ một lần là 120.000.000 đồng/người

- Thu hút tuyển dụng đối với giáo viên các bộ môn khó tuyển dụng gồm: tin học, âm nhạc, mỹ thuật, giáo dục công dân: hỗ trợ một lần là 180.000.000 đồng/người

- Thu hút tuyển dụng giáo viên đối với các địa bàn khó tuyển dụng: hỗ trợ một lần đối với giáo viên mầm non là 200.000.000 đồng/người; đối với giáo viên các cấp học tiểu học, THCS, THPT hỗ trợ 150.000.000 đồng/người

- Thu hút vào trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật: 150.000.000 đồng/người

###### **2.1.2. Chính sách 2: Chính sách hỗ trợ giáo viên**

###### **a) Mục tiêu của chính sách**

Ban hành chế độ hỗ trợ nhằm giữ chân giáo viên ở các ngành học, cấp học, ở các cơ sở giáo dục nhằm tiến tới hạn chế tình trạng nghỉ việc do lương thấp của giáo viên, tạo điều kiện cho giáo viên an tâm công tác.

###### **b) Nội dung chính sách**

Chính sách xác định rõ đối tượng hỗ trợ, mức hỗ trợ hàng tháng, điều kiện thu hút. Chính sách phù hợp với điều kiện, nguồn lực cân đối của địa phương. Cụ thể, đối tượng hỗ trợ, mức hỗ trợ thu hút như sau:

- Giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo viên dạy chương trình GDTX (dạy văn hóa) có mức lương thực nhận thấp hơn mức lương tối thiểu vùng; mức hỗ trợ: 2.000.000 đồng/người/tháng, hưởng 12 tháng

- Giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, GDTX dạy văn hóa công lập (ngoài các đối tượng có mức lương thấp hơn lương tối thiểu vùng) trên địa bàn tỉnh; mức hỗ trợ: 1.500.000 đồng/người/tháng, hưởng 12 tháng

- Giáo viên công tác tại Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật; mức hỗ trợ: 2.000.000 đồng/người/tháng, hưởng 12 tháng

- Giáo viên công tác tại Trường Chính trị tỉnh; mức hỗ trợ: 2.500.000 đồng/người/tháng, hưởng 12 tháng

## 2.2. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách tỉnh theo phân cấp ngân sách hiện hành.

## 2.3. Thời gian thực hiện chính sách thu hút, hỗ trợ

Kể từ ngày chính sách được thông qua và có hiệu lực thi hành đến hết năm học 2025-2026.

## V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

### 1. Nguồn lực kinh phí

Tổng nhu cầu kinh phí khoảng:	440 tỷ đồng; chia ra:
- Chính sách thu hút:	183 tỷ đồng
- Chính sách hỗ trợ:	257 tỷ đồng

(Chi tiết theo biểu số 1 gửi kèm)

### 2. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành nghị quyết sau khi được thông qua.

- Kinh phí thực hiện được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của tỉnh.

- UBND tỉnh chỉ đạo các Sở chuyên môn hướng dẫn quy trình, thủ tục và biểu mẫu cho các đơn vị thực hiện chính sách thu hút và hỗ trợ; kiểm tra việc thực hiện theo quy định. Các cơ quan truyền thông, Báo Đồng Nai, Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách thu hút và hỗ trợ đến các đối tượng biết, thực hiện.

- Giao Sở Tài chính cấp kinh phí thực hiện chính sách thu hút và hỗ trợ từ nguồn kinh phí thực hiện được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của tỉnh.

## VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN

Dự kiến vào kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh cuối năm 2023.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Đề nghị xây dựng Nghị quyết chính sách hỗ trợ, đãi ngộ đối với giáo viên các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2025. Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

\* Đính kèm:

- 1. Dự thảo Đề cương chi tiết Nghị quyết chính sách hỗ trợ, đãi ngộ đối với giáo viên các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2025.*
- 2. Báo cáo đánh giá tác động Nghị quyết chính sách hỗ trợ, đãi ngộ đối với giáo viên các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2025.*
- 3. Các biểu tổng hợp số liệu gửi kèm./.*

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Chủ tịch, Phó CT.UBND tỉnh (KGVX);
- Sở Tài chính;
- Sở Nội vụ;
- Sở Tư pháp;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Chánh, Phó Chánh VP.UBND tỉnh (KGVX);
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

Số: /2023/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2023

**DỰ THẢO ĐỀ CƯƠNG  
CHI TIẾT**

**NGHỊ QUYẾT**

**Về chính sách hỗ trợ, đãi ngộ đối với giáo viên các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI  
KHÓA ..... KỲ HỌP THỨ .....**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;  
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;  
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;  
Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày ..... tháng ..... năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ, đãi ngộ đối với giáo viên các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua quy định chính sách hỗ trợ, đãi ngộ đối với giáo viên các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2025, cụ thể như sau:**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ, đãi ngộ đối với giáo viên các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2025.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Giáo viên tham gia tuyển dụng mới, trúng tuyển và nhận công tác ở các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh.

b) Giáo viên tham gia tuyển dụng mới, trúng tuyển và nhận công tác ở các bộ môn khó tuyển dụng gồm: tin học, âm nhạc, mỹ thuật, giáo dục công dân ở cấp học phổ thông.

c) Giáo viên tham gia tuyển dụng mới, trúng tuyển và nhận công tác ở các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên ở địa bàn các xã gồm: Sông Nhạn, Thừa Đức, Xuân Quế - huyện Cẩm Mỹ; Cây Gáo, Thanh Bình, Sông Thao, Bàu Hàm - huyện Trảng Bom; Mã Đà, Phú Lý, Hiếu Liêm - huyện Vĩnh Cửu; Xuân Phú, Lang Minh - huyện Xuân Lộc; Đắc Lua, Tà Lài, Phú Bình - huyện Tân Phú; Lộ 25, Xuân Thiện - huyện Thống Nhất; Phú Túc, Túc Trung, Phú Vinh, Phú Tân, Thanh Sơn, Phú Lợi - huyện Định Quán.

d) Giáo viên đã được tuyển dụng, công tác ở các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật; giáo viên dạy chương trình GDTX địa bàn tỉnh.

đ) Giáo viên được tuyển dụng theo chỉ tiêu biên chế và giảng dạy tại Trường Chính trị tỉnh.

### 3. Điều kiện hỗ trợ, nguyên tắc hỗ trợ

a) Đảm bảo đúng đối tượng, công khai, minh bạch.

b) Đối với chính sách thu hút, người nhận chính sách cam kết phục vụ tại nơi được tuyển dụng vào ít nhất 5 năm. Người được tuyển dụng đảm bảo còn tuổi công tác theo thời gian cam kết. Trừ trường hợp bất khả kháng không thể tiếp tục giảng dạy, nếu người nhận chính sách không thực hiện đúng cam kết hoặc vi phạm kỷ luật đến mức buộc thôi việc thì phải thực hiện bồi hoàn toàn bộ kinh phí theo chính sách thu hút đã nhận.

c) Chỉ được nhận một chính sách thu hút hoặc chính sách hỗ trợ cao nhất trong trường hợp cùng lúc được hưởng nhiều chính sách thu hút hoặc hỗ trợ hoặc cả thu hút và hỗ trợ. Chỉ riêng giáo viên mầm non được hưởng đồng thời chính sách thu hút và chính sách hỗ trợ (chính sách hỗ trợ đối với giáo viên mầm non công lập không thuộc các đối tượng có mức lương thấp hơn lương tối thiểu vùng).

d) Chính sách hỗ trợ không tính để đóng bảo hiểm xã hội và tính hưởng các phụ cấp khác.

### 4. Quy định mức hỗ trợ

a) Chính sách thu hút tuyển mới giáo viên

- Giáo viên tham gia tuyển dụng mới, trúng tuyển và nhận công tác ở các cơ sở giáo dục mầm non; Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh được hỗ trợ 01 lần với mức hỗ trợ là 150.000.000 đồng/người.

- Giáo viên tham gia tuyển dụng mới, trúng tuyển và nhận công tác ở các cơ sở giáo dục tiểu học được hỗ trợ 01 lần với mức hỗ trợ là 120.000.000 đồng/người.

- Giáo viên mầm non tại điểm b, khoản 2 Điều này được hỗ trợ 01 lần với mức hỗ trợ là 200.000.000 đồng/người; các trường hợp giáo viên còn lại tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này tham gia tuyển dụng mới, trúng tuyển và nhận công tác giảng dạy được hỗ trợ 01 lần với mức hỗ trợ là 150.000.000 đồng/người.

b) Chính sách hỗ trợ

hưởng 12 tháng/năm.

- Giáo viên mầm non tại điểm d khoản 2 Điều này (trừ trường hợp quy định tại tiết 1 điểm b, khoản 4 Điều này) được hỗ trợ 1.500.000 đồng/người/tháng, hưởng 12 tháng/năm.

- Giáo viên dạy trung tâm khuyết tật tại điểm d khoản 2 Điều này được hỗ trợ 2.000.000 đồng/người/tháng, hưởng 12 tháng/năm.

- Giáo viên được tuyển dụng theo chỉ tiêu biên chế và công tác giảng dạy tại Trường Chính trị tỉnh tại điểm đ khoản 2 Điều này được hỗ trợ 2.500.000 đồng/người/tháng, hưởng 12 tháng/năm.

#### 5. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách tỉnh theo phân cấp ngân sách hiện hành.

#### 6. Thời gian thực hiện chính sách thu hút, hỗ trợ

Kể từ ngày chính sách được thông qua và có hiệu lực thi hành đến hết năm học 2025-2026.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên vận động các tổ chức, Nhân dân cùng giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

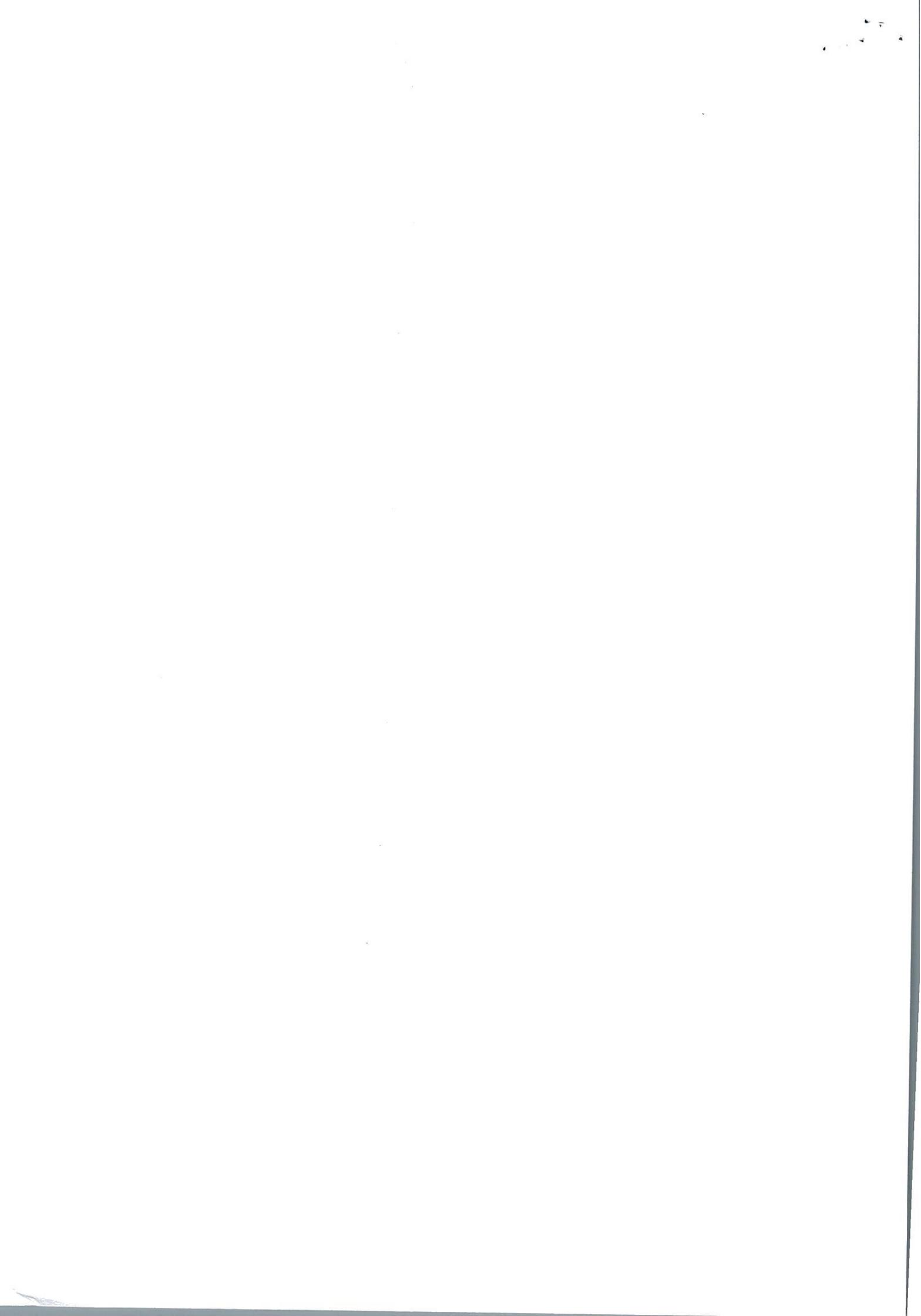
Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa ..... Kỳ họp thứ ..... thông qua ngày      tháng 12 năm 2023./.

**CHỦ TỊCH**

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Vụ pháp chế các Bộ: Giáo dục Đào tạo; Tư pháp, Tài chính, Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VB QPPL Bộ Tư pháp;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, ĐDBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT; PCTHĐ.

**Thái Bảo**



Số: /BC-UBND

Đồng Nai, ngày tháng 10 năm 2023

**Dự thảo**

## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Tại Đề nghị ban hành Nghị quyết chính sách hỗ trợ, đãi ngộ đối với giáo viên các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

### I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

#### 1. Bối cảnh xây dựng chính sách

a) Khái quát về tình hình phát triển mạng lưới trường học, học sinh mầm non và phổ thông trên địa bàn tỉnh

Mạng lưới trường lớp mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh hiện có 919 trường (374 trường mầm non, 287 trường tiểu học, 181 trung học cơ sở và 77 trường trung học phổ thông); trong đó có 192 trường ngoài công lập (155 trường mầm non, 06 trường tiểu học, 4 trường THCS và 27 trường trung học phổ thông), tỷ lệ 20,8% so với tổng số trường.

Với mạng lưới trường lớp trên đã huy động 741.955 học sinh các cấp ra lớp (mầm non: 157.682 học sinh, tiểu học: 302.959 học sinh, trung học cơ sở: 197.114 học sinh, trung học phổ thông: 84.200 học sinh); trong đó, số học sinh ngoài công lập là 140.876 học sinh, tỷ lệ khoảng 18,9% so với tổng số học sinh. So với mặt bằng của toàn quốc, Đồng Nai là địa phương đã thực hiện tốt về công tác xã hội hóa giáo dục với tỷ lệ học sinh ngoài công lập vượt khá xa so với mặt bằng chung của toàn quốc (tỷ lệ trường ngoài công lập toàn quốc là 6,68%, tỷ lệ của tỉnh là 20,8%; tỷ lệ học sinh ngoài công lập toàn quốc là 6%, tỷ lệ của tỉnh là 18,9%).

Giai đoạn 2017-2022, mạng lưới trường lớp địa bàn tỉnh tăng 39 trường/năm, bình quân 8 trường/năm; mạng lưới trường tăng chủ yếu ở loại hình ngoài công lập (mầm non tăng 50 trường, THCS tăng 3 trường, THPT tăng 1 trường), trong khi đó, mạng lưới trường công lập giảm khoảng 20 trường do thực hiện sáp nhập các trường mẫu giáo để hình thành trường mầm non và sáp nhập trường tiểu học vào THCS để hình thành trường Tiểu học-THCS theo chủ trương Nghị quyết 19 của Trung ương

Các điều kiện đảm bảo phát triển giáo dục đã được quan tâm, tăng cường. Cụ thể: Tỷ lệ phòng học kiên cố cao tầng tăng từ 69,5% ở năm học 2010-2011 lên 90% ở năm học 2021-2022, không còn phòng học tạm, mượn; Tỷ lệ chi cho giáo dục trên tổng chi ngân sách của tỉnh tăng từ 33,6% năm 2010 lên 37% ở năm 2020; Quy mô đội ngũ giáo viên các cấp tăng 21% (30.749/25.334);

b) Thực trạng đội ngũ giáo viên tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh

- Tình hình đội ngũ giáo viên các cấp

Đến năm học 2022-2023, số lượng giáo viên ở các cấp học, bậc học công lập như sau: Mầm non: về số lượng 4.649 người, tỷ lệ giáo viên/lớp như sau: nhà trẻ: 2,02Gv/lớp (quy định 2,5 GV/lớp); mẫu giáo: 1,97 GV/lớp (quy định 2,2 GV/lớp); Tiểu học: 9.692 người, tỷ lệ 1,23 GV/lớp (quy định: lớp 1 buổi: 1,2 GV/lớp; lớp 2 buổi: 1,5 GV/lớp); Trung học cơ sở: về số lượng 7.777 người, tỷ lệ 1,79 GV/lớp (quy định là 1,9 GV/lớp); Trung học phổ thông: về số lượng 3.038 người, tỷ lệ 2,17 GV/lớp (quy định là 2,25 GV/lớp).

Như vậy, so với định biên, đội ngũ giáo viên các cấp còn thiếu 3.599 giáo viên, trong đó: giáo viên nhà trẻ thiếu 203 người, mẫu giáo thiếu 442 người, tiểu học thiếu 2.166 người (tỷ lệ 1,5 GV/lớp để đáp ứng học 2 buổi/ngày); trung học cơ sở thiếu 627 người và trung học phổ thông thiếu 162 người; trong đó giáo viên trung học cơ sở và Trung học phổ thông thiếu ở các bộ môn khó tuyển dụng như: tin học, GDCD, âm nhạc, mỹ thuật.

Đảm bảo đội ngũ giáo viên là điều kiện quan trọng, tiên quyết trong việc tổ chức hoạt động dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục tại các cơ sở giáo dục.

Hiện yêu cầu về đội ngũ đã được các bộ ngành hướng dẫn cụ thể<sup>1</sup> và việc thực hiện biên chế giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua đã được quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh thông qua nhiều chủ trương, chỉ đạo quan trọng<sup>2</sup>.

Mặc dù biên chế đội ngũ giáo viên đã được quan tâm, tuy nhiên, so với quy định và thực tế tuyển dụng tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua, thực trạng đội ngũ giáo viên các cấp trên địa bàn tỉnh vẫn còn thiếu nhiều. Việc không đảm bảo đội ngũ giáo viên sẽ dẫn đến rất nhiều hạn chế đối với hoạt động của các cơ sở giáo dục như:

- Để giải quyết tình trạng thiếu giáo viên nhưng vẫn phải đảm bảo nội dung chương trình, các cơ sở giáo dục phải thực hiện tăng tiết, tăng giờ. Thậm chí có những cơ sở thiếu giáo viên nhiều, không thỉnh giảng được giáo viên để bố trí cho giáo viên thiếu nên giáo viên tại cơ sở phải thực hiện tăng giờ vượt quá giờ quy định theo luật lao động (số giờ tăng giờ vượt quá 200 giờ/năm), số giờ vượt không

<sup>1</sup> Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập; Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV của Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo: Quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập

<sup>2</sup> Thông báo số 207-TB/VPTU ngày 13/6/2023 về việc Thông báo Kết luận của Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại buổi làm việc Ban cán sự đảng Ủy nhân dân tỉnh và các địa phương về tình trạng thiếu giáo viên trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 53/2021/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh về việc Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

thanh toán được nên gây ảnh hưởng đến quyền lợi của giáo viên đứng lớp tăng tiết, tăng giờ do thiếu giáo viên.

- Việc bố trí giáo viên dạy tăng tiết, tăng giờ do thiếu giáo viên là giải pháp tạm thời, trước mắt. Đội ngũ giáo viên là nhân tố quan trọng, tiên quyết quyết định chất lượng giáo dục. Do vậy, việc đảm bảo đội giáo viên cho các cơ sở sở giáo dục để thực hiện hoạt động giáo dục theo đúng quy định là hết sức cấp thiết, cần có sự tập trung, quan tâm của các cấp nhằm giải quyết dứt điểm.

- Do thiếu giáo viên nên một số cơ sở giáo dục phải thực hiện tăng biên chế học sinh trên lớp nhằm hướng tới việc không tăng lớp hàng năm để giảm bớt việc bố trí thêm giáo viên. Việc bố trí giáo viên dạy tăng giờ, tăng tiết hiện các cơ sở giáo dục phải sử dụng nguồn kinh phí chi hoạt động của đơn vị để chi trả, ảnh hưởng lớn đến tâm tư, nguyện vọng của giáo viên trong tiết kiệm, tăng thu nhập theo phương thức tự chủ, khoán kinh phí hiện nay.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn 2020-2023, tổng số giáo viên nghỉ việc ở các cấp học trên địa bàn tỉnh là 1.178 người (mầm non: 494 người, tiểu học: 322 người, trung học cơ sở: 278 người, trung học phổ thông: 84 người). Theo báo cáo của các đơn vị, một trong những nguyên nhân giáo viên nghỉ việc có lý do thu nhập, tiền lương chưa đảm bảo trang trải cho cuộc sống, nhất là đội ngũ giáo viên vừa được tuyển dụng mới.

Việc thiếu giáo viên do không tuyển dụng được hoặc do giáo viên nghỉ việc đã tác động rất lớn đến hoạt động giáo dục tại các cơ sở giáo dục, nếu không có giải pháp xử lý sẽ kéo theo nhiều hệ lụy phức tạp, nhất là việc đảm bảo chất lượng giảng dạy, đảm bảo hoạt động ở các cơ sở giáo dục.

Mặt khác, trong thời gian tới sẽ tiếp tục phổ cập giáo dục mẫu giáo 3-4 tuổi, đẩy mạnh thực hiện tổ chức dạy học 2 buổi/ngày ở tiểu học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Do đó nhu cầu đảm bảo đội ngũ giáo viên càng cần phải giải quyết triệt để, kịp thời. Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ đối với giáo viên các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh là cần thiết.

## 2. Mục tiêu xây dựng Chính sách

- Hình thành khung pháp lý cần thiết để thực hiện thu hút tuyển dụng giáo viên và hỗ trợ giữ chân giáo viên, từng bước hạn chế tình trạng giáo viên nghỉ việc, chuyển việc ra khỏi ngành. Thông qua chính sách nhằm thu hút, khuyến khích, hỗ trợ để bổ sung đội ngũ giáo viên cho các ngành học mầm non, tiểu học, giáo viên phổ thông ở các bộ môn khó tuyển dụng trong thời gian qua nhằm đảm bảo đội ngũ giáo viên về số lượng, chất lượng góp phần đáp ứng yêu cầu giảng dạy, nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

- Góp phần sử dụng hiệu quả biên chế hàng năm được giao cho ngành giáo dục, tạo động lực cho con em địa phương đi học sư phạm cũng như thu hút nguồn nhân lực ngành giáo dục ở các địa phương khác về tỉnh công tác nhằm khắc phục

cơ bản tình trạng thiếu giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học, giáo viên phổ thông ở các bộ môn khó tuyển dụng ở các cơ sở giáo dục công lập trong thời gian qua.

- Thể hiện sự quan tâm, đột phá của tỉnh đối với ngành giáo dục, nhất là công tác đảm bảo đội ngũ giáo viên cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh trong tình hình hầu hết các địa phương đều thiếu đội ngũ giáo viên như hiện nay. Nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, đoàn thể và địa phương trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học khi được tuyển dụng vào các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

## II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

### 1. Xác định vấn đề bất cập

Trong thời gian qua, công tác về đội ngũ giáo viên đã được quan tâm sâu sát; trong đó, công tác tuyển dụng đã được phân cấp chủ động về cho các cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện<sup>3</sup>; Sở Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện giới thiệu<sup>4</sup> các trường đại học, cơ sở đào tạo giáo viên để các địa phương, các cơ sở giáo dục tiếp cận để cung cấp thông tin về nhu cầu tuyển dụng để các trường đại học, cơ sở đào tạo nhằm cung cấp cho giáo sinh biết, tham gia các đợt tuyển dụng. Qua đó, các địa phương, các nhà trường từ thụ động ngồi chờ giáo viên đến liên hệ tuyển dụng đã chuyển sang chủ động tìm nguồn giáo viên, nguồn nhân lực ngành giáo dục tại các trường đại học, các cơ sở đào tạo giáo viên. Ngoài ra, thông tin về các đợt tuyển dụng cũng đã được các địa phương, các cơ sở giáo dục công khai bằng nhiều hình thức theo đúng quy định nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho giáo sinh nắm được công tác tuyển dụng cũng như nhu cầu giáo viên ở mỗi địa phương, mỗi cơ sở giáo dục.

Tuy nhiên, qua thực tế cho thấy công tác tuyển dụng, vấn đề đội ngũ giáo viên còn có những bất cập sau:

a) Số lượng đăng tuyển hàng năm và số lượng dự tuyển có sự chênh lệch khá lớn, chủ yếu tập trung ở ngành học mầm non, tiểu học. Cụ thể như sau:

- Ngành học mầm non:

+ Năm học 2020-2021: Đăng tuyển: 302 người; số dự tuyển: 63 người, tỷ lệ: 21%;

+ Năm học 2021-2022: Đăng tuyển: 349 người; số dự tuyển: 70 người, tỷ lệ: 20%;

+ Năm học 2022-2023: Đăng tuyển: 414 người; số dự tuyển: 99 người, tỷ lệ: 24%;

- Cấp học tiểu học:

+ Năm học 2020-2021: Đăng tuyển: 474 người; số dự tuyển: 188 người, tỷ lệ: 40%;

+ Năm học 2021-2022: Đăng tuyển: 537 người; số dự tuyển: 155 người, tỷ lệ: 29%;

<sup>3</sup> Quyết định số 53/2021/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh về việc Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

<sup>4</sup> Văn bản số 3164/SGDDĐT-TCCB ngày 18/8/2022 Sở Giáo dục và Đào tạo

+ Năm học 2022-2023: Đăng tuyển: 627 người; số dự tuyển: 196 người, tỷ lệ: 31%;  
 Riêng giáo viên các bộ môn tin học, âm nhạc, mỹ thuật, thể dục ở tiểu học gần như rất khó tuyển hoặc không có người dự tuyển.

- Cấp học trung học cơ sở:

+ Năm học 2020-2021: Đăng tuyển: 178 người; số dự tuyển: 122 người, tỷ lệ: 69%;

+ Năm học 2021-2022: Đăng tuyển: 196 người; số dự tuyển: 150 người, tỷ lệ: 77%;

+ Năm học 2022-2023: Đăng tuyển: 254 người; số dự tuyển: 176 người, tỷ lệ: 69%;

Riêng giáo viên các bộ môn âm nhạc, mỹ thuật, công nghệ, tin học, giáo dục công dân ở trung học cơ sở rất khó tuyển hoặc không có người dự tuyển.

- Cấp trung học phổ thông

Giáo viên THPT hiện chủ yếu thiếu ở các bộ môn gồm tin học, âm nhạc, mỹ thuật, thể dục gần như rất khó tuyển hoặc không có người dự tuyển.

b) Trong giai đoạn 2020-2023, tổng số giáo viên nghỉ việc ở các cấp học trên địa bàn tỉnh là 1.178 người (mầm non: 494 người, tiểu học: 322 người, trung học cơ sở: 278 người, trung học phổ thông: 84 người). Theo báo cáo của các đơn vị, trong các nguyên nhân nghỉ việc của giáo viên thì lương thấp là chính (nghỉ do lương thấp: 448 người, tỷ lệ: 41%)

c) Hiện nay, công tác tuyển dụng đã phân cấp về cho các cơ sở giáo dục nhưng trên địa bàn tỉnh còn một số địa bàn xã ở khu vực miền núi, khu vực cách xa trung tâm huyện, thành phố nên việc tuyển dụng rất khó khăn, không thu hút được giáo sinh đăng ký tuyển dụng dẫn đến tình trạng thiếu giáo viên kéo dài qua nhiều năm.

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật với loại hình giáo dục đặc biệt, nuôi dạy trẻ câm, điếc, mù với khả năng nhận thức hạn chế, giáo viên rất vất vả khi giảng dạy cũng như tuyển dụng hàng năm rất khó khăn, cần có chế độ hỗ trợ.

d) Công việc giáo viên mầm non nhiều, phải thực hiện 3 chức năng: chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, vừa phải làm đồ dùng dạy học, hoạt động phong trào,... thời gian làm việc của giáo viên mầm non từ 9 - 10 giờ/ngày. Đây là lý do cơ bản chưa thu hút sinh viên tham gia vào ngành; nhiều giáo viên tốt nghiệp ra trường đã tìm việc làm khác; số giáo viên mầm non nghỉ việc ngày càng nhiều. Công tác tuyển dụng giáo viên ở các địa bàn vùng sâu, biên giới khó tuyển được.

Hiện nay, tỉnh chưa có chế độ chính sách đãi ngộ đặc thù riêng cho thu hút tuyển dụng giáo viên. Trong khi tỉnh Đồng Nai là tỉnh công nghiệp, nhu cầu nguồn nhân lực lớn, dễ có tình trạng chuyển dịch nguồn lao động từ nơi lương thấp sang khu vực có lương cao hơn, đảm bảo cuộc sống tốt hơn. Điều đó dẫn đến tình trạng thiếu giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học trên địa bàn tỉnh trong khi biên chế đối với những giáo viên này còn nhưng tuyển dụng lại không có nguồn dự tuyển.

Vì vậy, việc xây dựng chính sách thu hút tuyển dụng đối với giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học, giáo viên phổ thông các bộ môn khó tuyển dụng; chính sách thu hút đối với các địa bàn khó tuyển dụng và chính sách hỗ trợ nhằm giữ chân giáo viên hạn chế tình trạng giáo viên nghỉ việc, chuyển việc cũng như tạo chuyển biến giúp tuyển dụng giáo viên thu hút hơn, hiệu quả hơn là cần thiết.

## 2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết chính sách hỗ trợ, đãi ngộ đối với giáo viên các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nhằm tạo bước đột phá của tỉnh đối với công tác tuyển dụng, đảm bảo đội ngũ giáo viên cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới phù hợp tình hình và đáp ứng nhu cầu thực tế của địa phương.

- Thông qua chính sách xác định đối tượng giáo viên theo ngành học, theo địa bàn, theo bộ môn cần hỗ trợ để đưa vào danh mục hỗ trợ, thu hút tạo hành lang pháp lý thực hiện thu hút trong công tác tuyển dụng, hỗ trợ giáo viên nhằm giúp đội ngũ giáo viên an tâm công tác; là cơ sở để các cơ quan tài chính tham mưu kinh phí theo đúng quy định.

- Nhằm đảm bảo, đủ số lượng đội ngũ giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học trong các cơ sở giáo dục công lập của tỉnh, từ đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục các cấp học mầm non và tiểu học công lập.

## 3. Giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

### 3.1. Giải pháp 1: Không thực hiện chính sách thu hút, chính sách hỗ trợ

a) Ưu điểm: Không làm tăng chi ngân sách hàng năm

b) Hạn chế: Không tạo được đột phá đối với công tác tuyển dụng; không có cơ sở thực hiện hỗ trợ, thu hút đội ngũ giáo viên nhằm đảm bảo đội ngũ cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

c) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động về mặt kinh tế: Không làm tăng chi ngân sách nhà nước

- Tác động về mặt xã hội: Không tạo được bước đột phá trong công tác tuyển dụng có thể dẫn đến tiếp tục kéo dài tình trạng thiếu giáo viên như hiện tại; không khuyến khích người lao động tham gia vào các cơ sở giáo dục, các địa bàn, các bộ môn khó tuyển hiện nay. Tình trạng thiếu giáo viên kéo dài, trầm trọng sẽ ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy, hoạt động ở các cơ sở giáo dục công lập.

- Tác động về giới: Không có tác động về giới

- Tác động của thủ tục hành chính: không phát sinh;

- Tác động với hệ thống pháp luật: không phát sinh;

### 3.2. Giải pháp 2: Thực hiện chính sách hỗ trợ, thu hút cho tất cả giáo viên

công lập ở các cấp học trên địa bàn tỉnh, gồm:

### 3.2.1. Chính sách thu hút

a) Thu hút tuyển dụng đối với giáo viên mầm non: hỗ trợ một lần là 150.000.000 đồng/người

b) Thu hút tuyển dụng đối với giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, GDTX dạy văn hóa: hỗ trợ một lần là 120.000.000 đồng/người

c) Thu hút tuyển dụng đối với giáo viên các bộ môn khó tuyển dụng gồm: tin học, âm nhạc, mỹ thuật, giáo dục công dân: hỗ trợ một lần là 180.000.000 đồng/người

d) Thu hút tuyển dụng giáo viên đối với các địa bàn khó tuyển dụng: hỗ trợ một lần đối với giáo viên mầm non là 200.000.000 đồng/người; đối với giáo viên các cấp học tiểu học, THCS, THPT hỗ trợ 150.000.000 đồng/người

đ) Thu hút vào trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật: 150.000.000 đồng/người

### 3.2.2. Chính sách hỗ trợ

a) Giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo viên dạy chương trình GDTX (dạy văn hóa) có mức lương thực nhận thấp hơn mức lương tối thiểu vùng; mức hỗ trợ: 2.000.000 đồng/người/tháng, hưởng 12 tháng

b) Giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, GDTX dạy văn hóa công lập (ngoài các đối tượng có mức lương thấp hơn lương tối thiểu vùng) trên địa bàn tỉnh; mức hỗ trợ: 1.500.000 đồng/người/tháng, hưởng 12 tháng

c) Giáo viên công tác tại Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật; mức hỗ trợ: 2.000.000 đồng/người/tháng, hưởng 12 tháng

d) Giáo viên công tác tại Trường Chính trị tỉnh; mức hỗ trợ: 2.500.000 đồng/người/tháng, hưởng 12 tháng

### 3.2.3. Điều kiện hỗ trợ, nguyên tắc hỗ trợ

- Đảm bảo đúng đối tượng, công khai, minh bạch.

- Đối với chính sách thu hút, người nhận chính sách cam kết phục vụ tại nơi được tuyển dụng vào ít nhất 5 năm. Người được tuyển dụng đảm bảo còn tuổi công tác theo thời gian cam kết. Trừ trường hợp bất khả kháng không thể tiếp tục giảng dạy, nếu người nhận chính sách không thực hiện đúng cam kết hoặc vi phạm kỷ luật đến mức buộc thôi việc thì phải thực hiện bồi hoàn toàn bộ kinh phí theo chính sách thu hút đã nhận.

- Chỉ được nhận một chính sách thu hút hoặc chính sách hỗ trợ cao nhất trong trường hợp cùng lúc được hưởng nhiều chính sách thu hút hoặc hỗ trợ hoặc cả thu hút và hỗ trợ. Chỉ riêng giáo viên mầm non được hưởng đồng thời chính

sách thu hút và chính sách hỗ trợ (chính sách hỗ trợ đối với giáo viên mầm non công lập không thuộc các đối tượng có mức lương thấp hơn lương tối thiểu vùng).

- Chính sách hỗ trợ không tính để đóng bảo hiểm xã hội và tính hưởng các phụ cấp khác.

#### 3.2.4. Thời gian áp dụng chính sách thu hút, hỗ trợ

Kể từ ngày chính sách được thông qua và có hiệu lực thi hành đến hết năm học 2025-2026.

#### 3.2.5. Nhu cầu kinh phí

Tổng nhu cầu kinh phí khoảng: 1.089 tỷ đồng; chia ra:

- Chính sách thu hút: 192 tỷ đồng
- Chính sách hỗ trợ: 931 tỷ đồng

*(Chi tiết theo biểu số 01 gửi kèm)*

3.2.6. Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách tỉnh cấp cho các địa phương, đơn vị theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

#### 3.2.7. Ưu điểm, hạn chế của chính sách

##### a) Ưu điểm

- Tạo bước đột phá của tỉnh đối với công tác tuyển dụng giáo viên các cấp, tiến tới đảm bảo đội ngũ giáo viên cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới phù hợp tình hình và đáp ứng nhu cầu thực tế của địa phương.

- Thông qua chính sách xác định đối tượng giáo viên theo ngành học, theo địa bàn, theo bộ môn cần hỗ trợ để đưa vào danh mục hỗ trợ, thu hút tạo hành lang pháp lý thực hiện thu hút trong công tác tuyển dụng, hỗ trợ giáo viên nhằm giúp đội ngũ giáo viên an tâm công tác; là cơ sở để các cơ quan tài chính tham mưu kinh phí theo đúng quy định.

- Nhằm đảm bảo, đủ số lượng đội ngũ giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học trong các cơ sở giáo dục công lập của tỉnh, từ đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục các cấp học mầm non và tiểu học công lập.

##### b) Hạn chế

Ngân sách tỉnh phải chi hàng năm khá lớn (khoảng 1.089 tỷ đồng trong 02 năm thực hiện Nghị quyết) tạo áp lực lớn cho ngân sách; chính sách hỗ trợ mang tính cào bằng, chưa đảm bảo hỗ trợ, khuyến khích những ngành học, cấp học đang khó tuyển giáo viên trên địa bàn tỉnh.

3.2.8. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động về mặt kinh tế: Làm tăng nguồn chi ngân sách nhà nước quá lớn (1.101 tỷ đồng trong 02 năm) có thể gây khó khăn trong cân đối thu chi ngân

sách tỉnh trong những năm tới; chính sách giúp tăng thu nhập của giáo viên giúp họ an tâm công tác.

- Tác động về mặt xã hội: Tạo được bước đột phá trong công tác tuyển dụng giúp từng bước kéo giảm tình trạng thiếu giáo viên; khuyến khích người lao động tham gia vào các cơ sở giáo dục, các địa bàn, các bộ môn khó tuyển hiện nay trên địa bàn tỉnh; ở mức độ nào đó, chính sách còn khuyến khích người học tham gia vào ngành học sư phạm, giúp tạo cân bằng nguồn cung nhân lực ngành sư phạm trong thời gian tới. Thông qua chính sách có thể chấm dứt tình trạng thiếu giáo viên, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, hoạt động ở các cơ sở giáo dục công lập. Chính sách hỗ trợ mang tính cào bằng, chưa đảm bảo hỗ trợ, khuyến khích những ngành học, cấp học đang khó tuyển giáo viên trên địa bàn tỉnh

- Tác động về giới: Không có tác động về giới

- Tác động của thủ tục hành chính: không phát sinh

- Tác động với hệ thống pháp luật: không phát sinh

3.3. Giải pháp 3: Thực hiện chính sách hỗ trợ, thu hút cho giáo viên ở các cấp học công lập có chọn lọc đối tượng phù hợp.

Để giải quyết vấn đề tuyển dụng giáo viên hiệu quả, hạn chế phần nào tình trạng giáo viên bỏ việc cũng như thu hút giáo viên đến công tác ở các cơ sở giáo dục trên địa bàn khó tuyển dụng và những cơ sở giáo dục đặc thù, đề xuất ban hành các chính sách gồm:

#### 3.3.1. Chính sách thu hút

a) Thu hút tuyển dụng đối với giáo viên mầm non, giáo viên tại trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật: hỗ trợ một lần là 150.000.000 đồng/người

b) Thu hút tuyển dụng đối với giáo viên tiểu học: hỗ trợ một lần là 120.000.000 đồng/người

c) Thu hút tuyển dụng đối với giáo viên các bộ môn khó tuyển dụng gồm: tin học, âm nhạc, mỹ thuật, giáo dục công dân: hỗ trợ một lần là 180.000.000 đồng/người

d) Thu hút tuyển dụng giáo viên đối với các địa bàn khó tuyển dụng: hỗ trợ một lần đối với giáo viên mầm non là 200.000.000 đồng/người; đối với giáo viên các cấp học tiểu học, THCS, THPT hỗ trợ 150.000.000 đồng/người

#### 3.3.2. Chính sách hỗ trợ

a) Giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo viên dạy chương trình GDTX (dạy văn hóa) có mức lương thực nhận thấp hơn mức lương tối thiểu vùng; mức hỗ trợ: 2.000.000 đồng/người/tháng, hưởng 12 tháng/năm

b) Giáo viên mầm non công lập không thuộc đối tượng có mức lương thấp

hơn lương tối thiểu vùng; mức hỗ trợ: 1.500.000 đồng/người/tháng, hưởng 12 tháng/năm

c) Giáo viên công tác tại Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật; mức hỗ trợ: 2.000.000 đồng/người/tháng, hưởng 12 tháng/năm

d) Giáo viên công tác tại Trường Chính trị tỉnh; mức hỗ trợ: 2.500.000 đồng/người/tháng, hưởng 12 tháng/năm

### 3.3.3. Điều kiện hỗ trợ, nguyên tắc hỗ trợ

- Đảm bảo đúng đối tượng, công khai, minh bạch.

- Đối với chính sách thu hút, người nhận chính sách cam kết phục vụ tại nơi được tuyển dụng vào ít nhất 5 năm. Người được tuyển dụng đảm bảo còn tuổi công tác theo thời gian cam kết. Trừ trường hợp bất khả kháng không thể tiếp tục giảng dạy, nếu người nhận chính sách không thực hiện đúng cam kết hoặc vi phạm kỷ luật đến mức buộc thôi việc thì phải thực hiện bồi hoàn toàn bộ kinh phí theo chính sách thu hút đã nhận.

- Chỉ được nhận một chính sách thu hút hoặc chính sách hỗ trợ cao nhất trong trường hợp cùng lúc được hưởng nhiều chính sách thu hút hoặc hỗ trợ hoặc cả thu hút và hỗ trợ. Chỉ riêng giáo viên mầm non được hưởng đồng thời chính sách thu hút và chính sách hỗ trợ (chính sách hỗ trợ đối với giáo viên mầm non công lập không thuộc các đối tượng có mức lương thấp hơn lương tối thiểu vùng).

- Chính sách hỗ trợ không tính để đóng bảo hiểm xã hội và tính hưởng các phụ cấp khác.

### 3.3.4. Thời gian áp dụng chính sách thu hút, hỗ trợ

Kể từ ngày chính sách được thông qua và có hiệu lực thi hành đến hết năm học 2025-2026.

### 3.3.5. Nhu cầu kinh phí

Tổng nhu cầu kinh phí khoảng: 440 tỷ đồng; chia ra:

- Chính sách thu hút: 183 tỷ đồng

- Chính sách hỗ trợ: 257 tỷ đồng

*(Chi tiết theo biểu số ... gửi kèm)*

3.3.6. Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách tỉnh cấp cho các địa phương, đơn vị theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

### 3.3.7. Ưu điểm, hạn chế của chính sách

#### a) Ưu điểm

- Tạo bước đột phá của tỉnh đối với công tác tuyển dụng giáo viên các cấp, tiến tới đảm bảo đội ngũ giáo viên cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới phù hợp tình hình và đáp ứng nhu cầu thực tế của địa phương.

- Thông qua chính sách xác định đối tượng giáo viên theo ngành học, theo địa bàn, theo bộ môn cần hỗ trợ để đưa vào danh mục hỗ trợ, thu hút tạo hành lang pháp lý thực hiện thu hút trong công tác tuyển dụng, hỗ trợ giáo viên nhằm giúp đội ngũ giáo viên an tâm công tác; là cơ sở để các cơ quan tài chính cấp tham mưu kinh phí theo đúng quy định.

- Nhằm đảm bảo, đủ số lượng đội ngũ giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học trong các cơ sở giáo dục công lập của tỉnh, từ đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục các cấp học mầm non và tiểu học công lập.

- Phù hợp với ngân sách tỉnh, chính sách hỗ trợ công bằng, không cào bằng, có tập trung ưu tiên cho những đối tượng, những giáo viên hiện còn thiếu, còn hạn chế và khó tuyển dụng trên địa bàn tỉnh.

#### b) Hạn chế

Ngân sách tỉnh phải chi hàng năm để hỗ trợ; không thực hiện hỗ trợ hết cho đội ngũ giáo viên các cấp nên có thể dẫn đến tâm tư ở các đối tượng. Tuy nhiên, UBND tỉnh sẽ giao trách nhiệm cho Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các sở ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố thực hiện tuyên truyền, giải thích để đội ngũ giáo viên trên địa bàn tỉnh hiểu, tiếp tục an tâm công tác, cống hiến cho sự nghiệp giáo dục của tỉnh.

3.3.8. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động về mặt kinh tế: Làm tăng nguồn chi ngân sách nhà nước nhưng ở mức thấp hơn nhiều so với giải pháp 2, ngân sách có thể cân đối để đảm bảo nguồn lực thực hiện; chính sách giúp tăng thu nhập của giáo viên giúp họ an tâm công tác.

- Tác động về mặt xã hội: Tạo được bước đột phá trong công tác tuyển dụng giúp từng bước kéo giảm tình trạng thiếu giáo viên; khuyến khích người lao động tham gia vào các cơ sở giáo dục, các địa bàn, các bộ môn khó tuyển hiện nay trên địa bàn tỉnh; ở mức độ nào đó, chính sách còn khuyến khích người học tham gia vào các ngành học sư phạm, giúp tạo cân bằng nguồn cung nhân lực ngành sư phạm trong thời gian tới.

Thông qua chính sách có thể chấm dứt tình trạng thiếu giáo viên, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, hoạt động ở các cơ sở giáo dục công lập; chính sách hỗ trợ mang tính tập trung, ưu tiên định hướng cho những ngành học, cấp học, bộ môn đang khó tuyển giáo viên trên địa bàn tỉnh.

- Tác động về giới: Không có tác động về giới

- Tác động của thủ tục hành chính: không phát sinh

- Tác động với hệ thống pháp luật: không phát sinh

#### **4. Kiến nghị giải pháp lựa chọn chính sách**

#### 4.1. Đề xuất lựa chọn giải pháp

- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; trong đó, tại khoản 3, Điều 21 quy định:

*“Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định định mức phân bổ và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu ngân sách:*

*3. Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ.*

- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP về hướng dẫn Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì nội dung chính sách nêu trên do HĐND cấp tỉnh quy định; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Căn cứ Thông báo số 361/TB-VPCP ngày 31/8/2023 của Văn phòng Chính phủ về việc Thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Hội nghị tổng kết năm học 2022 – 2023 và triển khai nhiệm vụ năm học 2023 – 2024 của ngành Giáo dục; tại điểm b, khoản 2 của văn bản về nhiệm vụ trong thời gian tới Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo: “- Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các địa phương theo thẩm quyền có giải pháp tài chính hỗ trợ giáo viên vùng sâu, vùng xa, giáo viên mầm non.....”

- Căn cứ chủ trương của Tỉnh ủy tại Thông báo số 207-TB/VPTU ngày 13/6/2023 về việc Thông báo Kết luận của Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại buổi làm việc Ban cán sự đảng Ủy nhân dân tỉnh và các địa phương về tình trạng thiếu giáo viên trên địa bàn tỉnh; tại mục 3 đã giao trách nhiệm Ban Cán sự UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua chính sách hỗ trợ, đãi ngộ đội ngũ giáo viên để thu hút mới và giữ chân đội ngũ giáo viên đang công tác tại các cơ sở giáo dục;

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tác động của các giải pháp, UBND tỉnh kiến nghị lựa chọn **Giải pháp 3**, nội dung cụ thể như sau:

##### 1. Tên chính sách:

Chính sách hỗ trợ, đãi ngộ đối với giáo viên các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2025

##### 2. Nội dung chính sách:

## 2.1 Chính sách thu hút

### a) Đối tượng:

- Thu hút tuyển dụng đối với giáo viên mầm non; giáo viên tiểu học; giáo viên tại trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh; giáo viên các bộ môn khó tuyển dụng gồm: tin học, âm nhạc, mỹ thuật, giáo dục công dân ở cấp học phổ thông, GDTX dạy văn hóa;

- Thu hút đối với giáo viên tham gia tuyển dụng ở các địa bàn khó tuyển dụng gồm các xã: Sông Nhạn, Thừa Đức, Xuân Quế - huyện Cẩm Mỹ; Cây Gáo, Thanh Bình, Sông Thao, Bàu Hàm - huyện Trảng Bom; Mã Đà, Phú Lý, Hiếu Liêm - huyện Vĩnh Cửu; Xuân Phú, Lang Minh - huyện Xuân Lộc; Đắc Lua, Tà Lài, Phú Bình - huyện Tân Phú; Lộ 25, Xuân Thiện - huyện Thống Nhất; Phú Túc, Túc Trung, Phú Vinh, Phú Tân, Thanh Sơn, Phú Lợi - huyện Định Quán

### b) Mức thu hút

- Thu hút tuyển dụng đối với giáo viên mầm non; giáo viên trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh với mức thu hút hỗ trợ một lần là 150.000.000 đồng/người

- Thu hút tuyển dụng đối với giáo viên tiểu học với mức thu hút hỗ trợ một lần là 120.000.000 đồng/người

- Thu hút tuyển dụng đối với giáo viên các bộ môn khó tuyển dụng gồm: tin học, âm nhạc, mỹ thuật, giáo dục công dân ở cấp học phổ thông, GDTX dạy văn hóa; tuyển dụng giáo viên đối với các địa bàn khó tuyển dụng với mức thu hút hỗ trợ một lần là 180.000.000 đồng/người

## 2.2. Chính sách hỗ trợ

### a) Đối tượng:

- Hỗ trợ giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo viên dạy chương trình GDTX (dạy văn hóa) có mức lương thực nhận thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định;

- Hỗ trợ giáo viên mầm non công lập trên địa bàn tỉnh không thuộc đối tượng có mức lương thấp hơn lương tối thiểu vùng;

- Hỗ trợ giáo viên dạy tại Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật;

- Hỗ trợ giáo viên dạy tại Trường Chính trị tỉnh;

### b) Mức hỗ trợ

- Hỗ trợ giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo viên dạy chương trình GDTX (dạy văn hóa) có mức lương thực nhận thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định; Hỗ trợ giáo viên công tác tại Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật với mức hỗ trợ: 2.000.000 đồng/người/tháng, hưởng 12 tháng/năm

- Hỗ trợ giáo viên mầm non công lập trên địa bàn tỉnh không thuộc đối

tượng có mức lương thấp hơn lương tối thiểu vùng với mức hỗ trợ: 1.500.000 đồng/người/tháng, hưởng 12 tháng/năm

- Hỗ trợ giáo viên công tác tại Trường Chính trị tỉnh với mức hỗ trợ: 2.500.000 đồng/người/tháng, hưởng 12 tháng/năm

c) Điều kiện hỗ trợ, nguyên tắc hỗ trợ

- Đảm bảo đúng đối tượng, công khai, minh bạch.

- Đối với chính sách thu hút, người nhận chính sách cam kết phục vụ tại nơi được tuyển dụng vào ít nhất 5 năm. Người được tuyển dụng đảm bảo còn tuổi công tác theo thời gian cam kết. Trừ trường hợp bất khả kháng không thể tiếp tục giảng dạy, nếu người nhận chính sách không thực hiện đúng cam kết hoặc vi phạm kỷ luật đến mức buộc thôi việc thì phải thực hiện bồi hoàn toàn bộ kinh phí theo chính sách thu hút đã nhận.

- Chỉ được nhận một chính sách thu hút hoặc chính sách hỗ trợ cao nhất trong trường hợp cùng lúc được hưởng nhiều chính sách thu hút hoặc hỗ trợ hoặc cả thu hút và hỗ trợ. Chỉ riêng giáo viên mầm non được hưởng đồng thời chính sách thu hút và chính sách hỗ trợ (chính sách hỗ trợ đối với giáo viên mầm non công lập không thuộc các đối tượng có mức lương thấp hơn lương tối thiểu vùng).

- Chính sách hỗ trợ không tính để đóng bảo hiểm xã hội và tính hưởng các phụ cấp khác.

d) Thời gian thực hiện chính sách thu hút, hỗ trợ

Kể từ ngày chính sách được thông qua và có hiệu lực thi hành đến hết năm học 2025-2026.

đ) Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách tỉnh

4.2. Lý do lựa chọn giải pháp

- Kinh phí hàng năm chỉ cho công tác hỗ trợ phù hợp, khả thi khi cân đối, nhất là trong tình hình kinh tế xã hội sau đại dịch Covid-19 và khó khăn chung của nền kinh tế hiện nay.

- Tạo được bước đột phá trong công tác tuyển dụng giúp từng bước kéo giảm tình trạng thiếu giáo viên; khuyến khích người lao động tham gia vào các cơ sở giáo dục, các địa bàn, các bộ môn khó tuyển hiện nay trên địa bàn tỉnh; ở mức độ nào đó, chính sách còn khuyến khích người học tham gia vào các ngành học sư phạm, giúp tạo cân bằng nguồn cung nhân lực ngành sư phạm trong thời gian tới. Thông qua chính sách có thể chấm dứt tình trạng thiếu giáo viên, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, hoạt động ở các cơ sở giáo dục công lập;

- Chính sách hỗ trợ mang tính tập trung, ưu tiên cho những ngành học, cấp học, bộ môn đang khó tuyển giáo viên trên địa bàn tỉnh.

4.3. Thẩm quyền ban hành chính sách

Chính sách thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh ban hành theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về việc Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

### **III. LẤY Ý KIẾN THAM VẤN**

#### **1. Lấy ý kiến**

Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách Đề nghị ban hành Nghị quyết chính sách hỗ trợ, đãi ngộ đối với giáo viên các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh (30 ngày) để lấy ý kiến rộng rãi. Đồng thời, thực hiện lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định.

#### **2. Tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, hoàn thiện dự thảo và giải trình bằng văn bản**

Các ý kiến góp ý sẽ được Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Giáo dục và Đào tạo) tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, hoàn thiện dự thảo và giải trình trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

### **IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

#### **1. Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện chính sách**

- Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.
- Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính.
- UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa.
- Các cơ sở giáo dục và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, tổ chức thu học phí.

#### **2. Cơ quan giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách:**

Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

### **V. PHỤ LỤC**

Đính kèm các biểu tổng hợp dự kiến số lượng giáo viên thực hiện chính sách thu hút, chính sách hỗ trợ thu hút và dự trù kinh phí thực hiện chính sách thu hút, hỗ trợ giai đoạn 2023 - 2025 (biểu 01, biểu 02, biểu 03, biểu 03, biểu 05).

Trên đây là Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách Đề nghị ban hành Nghị quyết chính sách hỗ trợ, đãi ngộ đối với giáo viên các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, Phó CT.UBND tỉnh (KGVX);
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo,
- Chánh, Phó Chánh VP.UBND tỉnh (KGVX);
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**DỰ KIẾN NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIAI ĐOẠN 2023-2025**  
(thực hiện theo giải pháp 2. hỗ trợ cho tất cả giáo viên công lập các cấp trên địa bàn tỉnh)

STT	Nội dung chính sách	Đơn vị tính	Số lượng (người)	Mức hỗ trợ (Đồng)	Thời gian hưởng (tháng)	Thời gian thực hiện (năm)	Kinh phí
<b>TỔNG CỘNG</b>							
<b>I</b>	<b>Chính sách thu hút</b>						<b>1.124.334.000.000</b>
1	Thu hút tuyển dụng đối với giáo viên mầm non:	người	645	150.000.000			<b>192.930.000.000</b>
2	Thu hút tuyển dụng đối với giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học	người	509	120.000.000			96.750.000.000
3	Thu hút tuyển dụng giáo viên đối với các địa bàn khó tuyển dụng	người	78	200.000.000			15.600.000.000
	- Mầm non	người	127	150.000.000			19.050.000.000
4	Thu hút vào trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật	người	3	150.000.000			450.000.000
	- Các cấp học còn lại (tiểu học, THCS, THPT)						
<b>II</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>						<b>931.404.000.000</b>
	Đối tượng là giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo viên dạy chương trình GDTX (dạy văn hóa) có						
1	mức lương thực nhận thấp hơn mức lương tối thiểu vùng	người	1.408	2.000.000	12	2	67.584.000.000
	Đối tượng là giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học						
2	phổ thông công lập (ngoài các đối tượng có mức lương thấp hơn lương tối thiểu vùng) trên địa bàn tỉnh	người	23.791	1.500.000	12	2	856.476.000.000
	Đối tượng giáo viên là giáo viên công tác tại Trung tâm nuôi dạy trẻ						
3	khuyết tật	người	28	2.000.000	12	2	1.344.000.000
4	Đối tượng giáo viên là giáo viên công tác tại Trường Chính trị tỉnh	người	100	2.500.000	12	2	6.000.000.000



**DỰ KIẾN NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIAI ĐOẠN 2023-2025**  
(thực hiện theo giải pháp 3. Hỗ trợ cho một số đối tượng giáo viên công lập các cấp trên địa bàn tỉnh)

STT	Nội dung chính sách	Đơn vị tính	Số lượng (người)	Mức hỗ trợ (Đồng)	Thời gian hưởng	Thời gian thực hiện	Kinh phí
	<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>440.982.000.000</b>
<b>I</b>	<b>CHÍNH SÁCH THU HÚT</b>						<b>183.570.000.000</b>
1	Thu hút tuyển dụng đối với giáo viên mầm non:	người	645	150.000.000	1		96.750.000.000
2	Thu hút tuyển dụng đối với giáo viên tiểu học	người	431	120.000.000	1		51.720.000.000
3	Thu hút tuyển dụng giáo viên đối với các địa bàn khó tuyển dụng - Mầm non - Các cấp học còn lại (tiểu học, THCS, THPT)	người	78	200.000.000	1		15.600.000.000
		người	127	150.000.000	1		19.050.000.000
4	Thu hút vào trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật	người	3	150.000.000	1		450.000.000
							<b>257.412.000.000</b>
<b>II</b>	<b>CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ</b>						
	Đối ứng là giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo viên dạy chương trình GDTX (dạy văn hóa) có mức lương thực nhận thấp hơn mức lương tối thiểu vùng	người	1.408	2.000.000	12	2	67.584.000.000
1	Đối ứng là giáo viên mầm non (ngoài các đối tượng có mức lương thấp hơn lương tối thiểu vùng)	người	5.069	1.500.000	12	2	182.484.000.000
2	Đối ứng giáo viên là giáo viên công tác tại Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật	người	28	2.000.000	12	2	1.344.000.000
3		người	100	2.500.000	12	2	6.000.000.000
4	Đối ứng giáo viên là giáo viên công tác tại Trường Chính trị tỉnh	người					



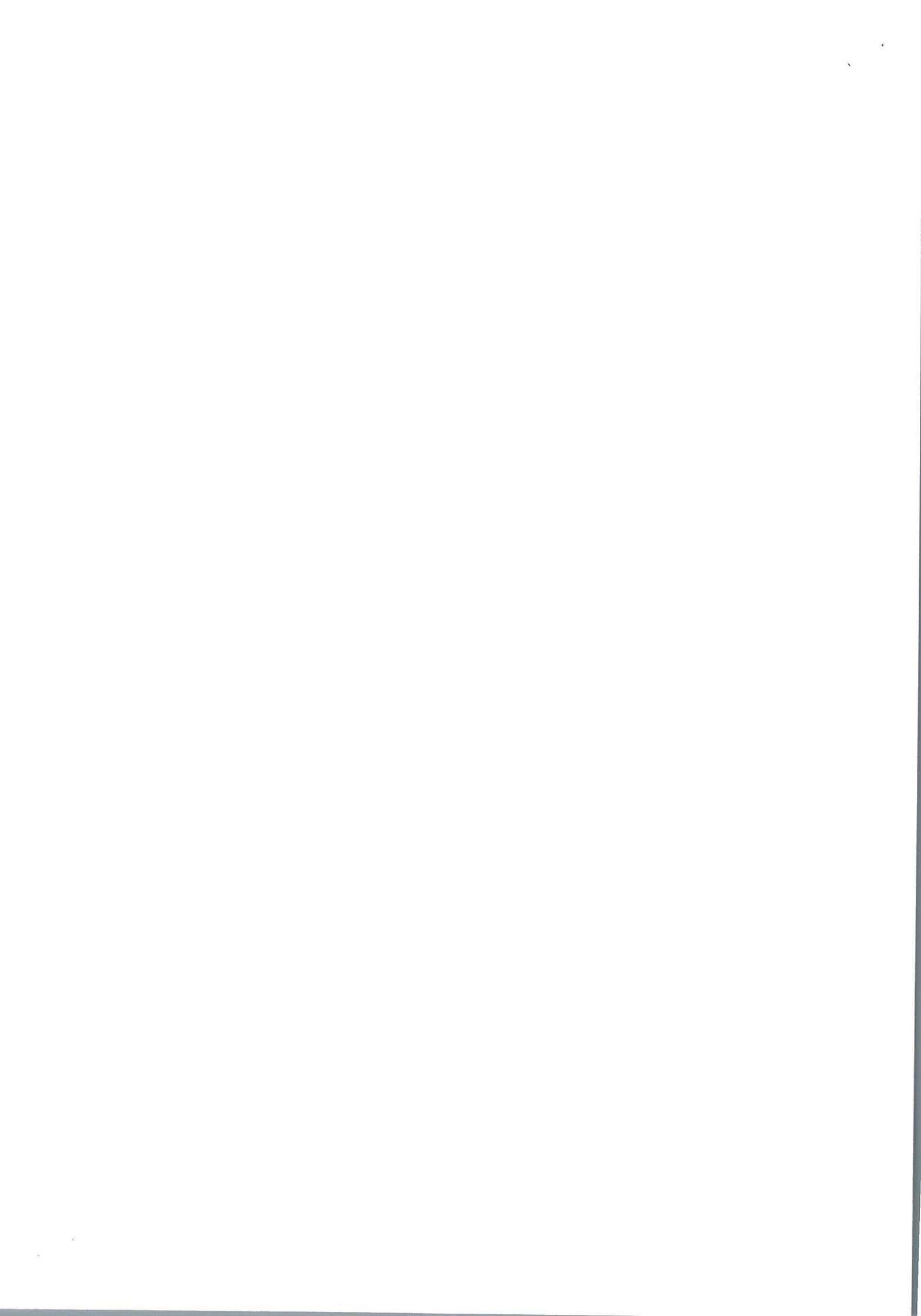
**TỔNG HỢP GIÁO VIÊN NGHỈ VIỆC, THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA GIÁO VIÊN GIAI ĐOẠN 2020-2022**  
(thực hiện theo giải pháp 3. Hỗ trợ cho một số đối tượng giáo viên công lập các cấp trên địa bàn tỉnh)

STT	Tên trường	Tình hình giáo viên nghỉ việc				Thu nhập của giáo viên (triệu đồng/tháng)							
		Tổng số GV nghỉ việc (người)	Lý do nghỉ việc			Dưới mức lương tối thiểu		từ mức lương tối thiểu vùng đến dưới 7,5 triệu		trên 7,5 triệu đồng			
			Lương thấp (người)	Nghỉ việc đi làm ngành nghề khác (người)	Nghỉ việc do không đạt chuẩn (người)	Lý do khác (người)	Số lượng	Tổng quỹ lương của những người dưới mức lương tối thiểu	Số lượng		Tổng quỹ lương của những người từ mức lương tối thiểu vùng đến dưới 7,5 triệu		
I	Mầm non												
1	Năm học 2020-2021	105	45	40	0	46	345	1.348	2.988	20.532	1.676	16.950	
2	Năm học 2021-2022	203	103	61	3	59	333	1.310	2.926	19.649	1.627	17.404	
3	Năm học 2022-2023	186	101	48	1	52	268	1.064	2.316	16.026	2.108	21.488	
II	Tiểu học												
1	Năm học 2021-2022	97	22	5	2	68	743	2.903	3.293	19.436	5.791	55.957	
2	Năm học 2022-2023	134	44	5	1	84	705	2.762	3.438	20.371	5.710	58.906	
3	Năm học 2023-2024	91	27	0	0	64	616	2.403	3.272	19.426	5.804	60.736	
III	THCS												
1	Năm học 2021-2022	84	40	15	0	29	529	1.947	2.684	14.277	4.625	41.904	
2	Năm học 2022-2023	117	54	10	0	53	569	2.196	2.388	12.354	4.935	43.804	
3	Năm học 2023-2024	77	12	26	0	58	524	2.019	2.247	11.756	4.999	47.141	



## BẢNG TỔNG HỢP QUY MÔ TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH, GIÁO VIÊN CÔNG LẬP GIAI ĐOẠN 2020-2022

STT	Cấp học	Năm học 2020-2021				Năm học 2021-2022				Năm học 2022-2023			
		Trường	Lớp	Học sinh	Giáo viên	Trường	Lớp	Học sinh	Giáo viên	Trường	Lớp	Học sinh	Giáo viên
1	Mầm non	220	2.472	69.260	5.009	219	2.403	56.623	4.886	219	2.368	64.852	4.692
2	Tiểu học	285	7.822	283.796	9.827	284	7.960	293.493	9.853	283	7.905	294.956	9.692
3	THCS	178	4.438	183.757	7.838	178	4.439	183.398	7.892	177	4.423	187.336	7.770
4	THPT	49	1.407	56.632	3.010	50	1.428	57.979	3.019	50	1.422	58.684	3.038



BẢNG TỔNG HỢP GIÁO VIÊN CÔNG LẬP NĂM HỌC 2022-2023 THEO ĐỊA BÀN, THEO CẤP HỌC

ST T	Cấp học	Năm non										Tiểu học						Trung học cơ sở						Trung học phổ thông																													
		Nhà trẻ			Mẫu giáo			Tỷ lệ				Số HS			Số GV			Số lớp			Tỷ lệ			Số HS			Số GV			Số lớp			Tỷ lệ			Số HS			Số GV			Số lớp			Tỷ lệ								
		Số lớp	Số HS	Số GV	HS/ lớp	GV/ lớp	Tỷ lệ	Số HS	Số GV	Số lớp	HS/ lớp	GV/ lớp	Tỷ lệ	Số HS	Số GV	Số lớp	HS/ lớp	GV/ lớp	Tỷ lệ	Số HS	Số GV	Số lớp	HS/ lớp	GV/ lớp	Tỷ lệ	Số HS	Số GV	Số lớp	HS/ lớp	GV/ lớp	Tỷ lệ	Số HS	Số GV	Số lớp	HS/ lớp	GV/ lớp	Tỷ lệ																
1	Huyện Cẩm Mỹ	66	1.333	131	20,2	2,0	178	5.041	349	28,3	1,96	382	11.671	524	30,6	1,37	235	7.631	454	32,5	1,93	96	4.022	211	41,9	2,20	2	Huyện Định Quán	54	1.195	130	22,1	2,4	236	6.990	505	29,6	2,14	572	19.005	748	33,2	1,31	329	12.767	603	38,8	1,83	142	5.556	304	39,1	2,14
3	Thành phố Long Khánh	43	953	79	22,2	1,8	135	4.539	252	33,6	1,87	383	12.696	466	33,1	1,22	214	8.669	394	40,5	1,84	84	3.426	181	40,8	2,15	4	Huyện Long Thành	18	352	34	19,6	1,9	150	4.461	288	29,7	1,92	629	24.320	704	38,7	1,12	355	15.360	562	43,3	1,58	127	5.595	265	44,1	2,09
5	Huyện Nhơn Trạch	27	462	55	17,1	2,0	171	4.644	324	27,2	1,89	606	22.464	682	37,1	1,13	330	13.798	518	41,8	1,57	105	4.571	210	43,5	2,00	6	Huyện Tân Phú	59	1.170	116	19,8	2,0	202	5.793	378	28,7	1,87	491	15.060	648	30,7	1,32	273	10.520	545	38,5	2,00	108	4.266	236	39,5	2,19
7	Huyện Thống Nhất	24	508	47	21,2	2,0	141	4.126	271	29,3	1,92	472	16.714	589	35,4	1,25	258	10.787	452	41,8	1,75	108	4.539	223	42,0	2,06	8	Thành phố Biên Hoà	45	811	75	18,0	1,7	212	5.998	414	28,3	1,95	2.380	98.297	2907	41,3	1,22	1.335	62.232	2344	46,6	1,76	351	14.049	782	40,0	2,23
9	Huyện Trảng Bom	17	338	34	19,9	2,0	166	4.604	324	27,7	1,95	856	35.927	977	42,0	1,14	473	20.762	785	43,9	1,66	114	4.673	219	41,0	1,92	10	Huyện Vĩnh Cửu	27	457	60	16,9	2,2	134	3.385	291	25,3	2,17	448	15.720	543	35,1	1,21	243	10.156	396	41,8	1,63	79	3.367	166	42,6	2,10
11	Huyện Xuân Lộc	46	1.104	101	24,0	2,2	217	6.588	434	30,4	2,00	686	23.082	904	33,6	1,32	378	14.774	724	39,1	1,92	108	4.620	241	42,8	2,23																											

Quy định: Tỷ lệ học sinh trên lớp; tỷ lệ giáo viên/lớp như sau:

Cấp học	Tỷ lệ học sinh trên lớp	Tỷ lệ GV trên lớp
Nhà trẻ	20	2,50
Mẫu giáo	30	2,20
Tiểu học	35	1,50
THCS	45	1,90
THPT	45	2,25



## TỔNG HỢP NHU CẦU TUYỂN DỤNG Ở CÁC ĐỊA BÀN KHÓ TUYỂN

STT	Địa bàn	Số lượng (người)
1	huyện Cẩm Mỹ	
	<i>gồm các xã: Sông Nhạn, Thừa Đức, Xuân Quế</i>	
	Mầm non	19
	Tiểu học	19
	THCS	1
2	huyện Trảng Bom	
	<i>gồm các xã: Cây Gáo, Thanh Bình, Sônê Thao, Bàu Hàm</i>	
	Mầm non	14
	Tiểu học	37
	THCS	8
3	huyện Vĩnh Cửu	
	<i>gồm các xã: Mã Đà, Phú Lý, Hiếu Liêm</i>	
	Mầm non	9
	Tiểu học	24
	THCS	2
4	huyện Xuân Lộc	
	<i>gồm các xã: Xuân Phú, Lang Minh</i>	
	Mầm non	16
	Tiểu học	9
	THCS	0
5	huyện Tân Phú	
	<i>gồm các xã: Đắc Lua, Tà Lài, Phú Bình</i>	
	Mầm non	
	Tiểu học	
	THCS	
6	huyện Thống Nhất	
	<i>gồm các xã: Lộ 25, Xuân Thiện</i>	
	Mầm non	10
	Tiểu học	8
	THCS	5
6	huyện Định Quán	
	<i>gồm các xã: Phú Túc, Túc Trung, Phú Vinh, Phú Tân, Thanh Sơn, Phú Lợi</i>	
	Mầm non	29
	Tiểu học	28
	THCS	6
	Tổng cộng	
	Mầm non	78
	Tiểu học	106
	THCS	21



Số: 361/TB-VPCP

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2023

**THÔNG BÁO****Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính  
tại Hội nghị tổng kết năm học 2022 – 2023 và triển khai nhiệm vụ  
năm học 2023 – 2024 của ngành Giáo dục**

Chiều ngày 18 tháng 8 năm 2023, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính dự Hội nghị trực tuyến toàn quốc tổng kết năm học 2022 - 2023, triển khai nhiệm vụ năm học 2023 - 2024 của ngành Giáo dục. Cùng dự có đồng chí Trần Hồng Hà, Phó Thủ tướng Chính phủ; đại diện lãnh đạo các ban, Bộ, ngành, cơ quan Trung ương: Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy ban Văn hoá, Giáo dục của Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Công an, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ngoại giao, Nội vụ, Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thanh tra Chính phủ, Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội khuyến học Việt Nam và lãnh đạo Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Sau khi nghe báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ý kiến phát biểu của các đại biểu dự họp, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính kết luận như sau:

1. Ghi nhận và biểu dương kết quả ngành Giáo dục đạt được trong năm học 2022 - 2023 vừa qua, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, ngành Giáo dục đã phấn đấu, nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học, đạt được nhiều kết quả nổi bật: cơ chế, chính sách phát triển giáo dục và đào tạo tiếp tục được hoàn thiện tương đối toàn diện, bao quát; đội ngũ giáo viên được quan tâm, cơ bản đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng. Chương trình giáo dục phổ thông 2018 bước đầu mang lại chuyển biến tích cực. Công tác thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập thực chất, hiệu quả hơn, nhất là việc tổ chức kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, tuyển sinh đại học được thực hiện nghiêm túc, công bằng và tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh, giảm áp lực, giảm chi phí cho xã hội. Một số cơ sở giáo dục đại học Việt Nam tiếp tục được xếp thứ hạng cao. Học sinh Việt Nam tiếp tục đạt nhiều thành tích cao trong các kỳ thi quốc tế. Giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng có điều kiện khó khăn được chú trọng phát triển; phong trào xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời được quan tâm.

Tuy nhiên, còn một số tồn tại, hạn chế cần được kịp thời khắc phục như công tác hoàn thiện thể chế cho đổi mới giáo dục và đào tạo triển khai còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là đối với tự chủ đại học. Việc thực hiện chương trình, sách giáo khoa còn một số bất cập. Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục ở một số địa phương chưa phù hợp, còn tình trạng thiếu trường, lớp nhất là ở khu đô thị, khu công nghiệp, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, chưa dành quỹ đất để xây dựng trường, lớp dẫn đến tình trạng quá tải; sĩ số học sinh/lớp cao hơn nhiều so với quy định, làm gia tăng áp lực trong tuyển sinh đầu cấp, nhất là tuyển sinh vào lớp 10. Điều kiện cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu; vấn đề nhà vệ sinh

trong các trường học còn chưa bảo đảm. Còn tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ, bất cập giữa các cấp học, chưa đảm bảo đủ định mức giáo viên theo quy định, đặc biệt là giáo viên để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới. Chính sách, chế độ đãi ngộ cần nghiên cứu, điều chỉnh cho phù hợp để thu hút được đội ngũ giáo viên. Chất lượng đào tạo nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là những ngành nghề mới, lĩnh vực công nghệ cao. Còn tình trạng mất an toàn, ma túy, bạo lực học đường vẫn diễn ra ở một số nơi, gây bức xúc trong dư luận xã hội.

2. Thời gian tới, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ, ngành, cơ quan liên quan và các địa phương cần khắc phục tồn tại, hạn chế nêu trên; đồng thời, tập trung thực hiện quyết liệt các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục, trong đó lưu ý thực hiện một số trọng tâm sau:

a) Trước mắt, ngành Giáo dục cần tập trung tháo gỡ, giải quyết kịp thời, hiệu quả 06 nhóm vấn đề: (i) phải kiên quyết, kiên trì không cho ma túy, tệ nạn xã hội xâm nhập vào học đường, xâm hại đến sức khỏe, đạo đức và nhân cách của học sinh, sinh viên; (ii) khắc phục bằng được tình trạng bạo lực học đường, bảo đảm an ninh, an toàn trường học cho học sinh, giáo viên trong mọi hoàn cảnh; (iii) hệ thống sách giáo khoa cần được đổi mới nhưng phải bảo đảm chuẩn mực, có tính ổn định tương đối và nghiên cứu phát triển theo yêu cầu thực tiễn; (iv) chú trọng nâng cao chất lượng hơn nữa giáo dục đại học, cao đẳng, giáo dục thường xuyên; (v) rà soát việc dạy và học môn học giáo dục công dân trong trường học phổ thông, bảo đảm chất lượng, thực chất, hiệu quả; (vi) có giải pháp nhanh chóng khắc phục tình trạng thiếu giáo viên mầm non, các trường học ở khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo.

b) Một số nhiệm vụ trọng tâm năm học tới

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và địa phương thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Công điện số 747/CD-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về bảo đảm sách giáo khoa và đội ngũ giáo viên cho năm học 2023-2024.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ, cơ quan liên quan và các địa phương

+ Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung kịp thời cơ chế, chính sách, hoàn thiện hành lang pháp lý tạo thuận lợi để thực hiện đổi mới giáo dục và đào tạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục, trong đó ưu tiên xây dựng Luật Nhà giáo; Chiến lược phát triển giáo dục; sớm nghiên cứu, công bố Phương án thi tốt nghiệp trung học phổ thông từ năm 2025 bảo đảm gọn nhẹ, hiệu quả, thiết thực, giảm áp lực, giảm chi phí và tạo sự đồng thuận xã hội.

+ Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW của Trung ương bảo đảm nghiêm túc, khách quan, khoa học, sát thực tiễn, làm cơ sở để tham mưu với Bộ Chính trị ban hành văn bản chỉ đạo phù hợp nhằm tạo đột phá trong đổi mới giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

+ Nghiêm túc thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện, phát triển Chương trình giáo dục phổ thông 2018 phù hợp với mục tiêu, yêu cầu và thực tiễn đặt ra.

+ **Đẩy mạnh tự chủ giáo dục trên tinh thần “không cầu toàn nhưng cũng không nóng vội”** với cách làm bài bản, khoa học, phù hợp với lộ trình cụ thể, rõ ràng để các cơ sở giáo dục tự chủ về chuyên môn, kinh phí nhưng bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước theo quy định. Có giải pháp hiệu quả phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao để nâng cao năng suất lao động, thích ứng với xu thế phát triển của công nghệ 4.0, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ.

+ **Thúc đẩy xã hội hóa, thu hút nguồn lực cho phát triển giáo dục, đào tạo;** khuyến khích doanh nghiệp tham gia từ khâu đào tạo, thực hành đến khâu sử dụng lao động; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tốt phong trào xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời.

- Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các địa phương theo thẩm quyền có giải pháp tài chính hỗ trợ giáo viên vùng sâu, vùng xa, giáo viên mầm non, trang bị cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị dạy học đang bị thiếu, xuống cấp, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp từng địa phương. Trường hợp vượt thẩm quyền thì báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các địa phương tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng về đường truyền internet (xóa các điểm lùm về sóng và internet) tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo; tuyên truyền về những tấm gương giáo viên, học sinh tiêu biểu để tạo sự lan tỏa trong xã hội; kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp đưa tin sai lệch, xuyên tạc về giáo dục.

Văn phòng Chính phủ thông báo để Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ, cơ quan liên quan và các địa phương biết, thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan: GDDT, CA, KHĐT, TC, NG, NV, TP, LĐTBXH, NNPTNN, VHTTDL, TTCT, TW Đoàn TNCSHCM, Hội KHVN, UBQLVN;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Sỹ Hiệp, Trợ lý TTg, Trợ lý và Thư ký PTTg Trần Hồng Hà, các Vụ: KTTH, QHĐP, PL, TCCV, TKBT, TH;
- Lưu: VT, KGVX (02), DNam.

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM  
PHÓ CHỦ NHIỆM**



**Nguyễn Sỹ Hiệp**



TỈNH ỦY ĐỒNG NAI  
VĂN PHÒNG

\*  
Số 207-TB/VPTU

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐỒNG NAI  
Đồng Nai, ngày 13 tháng 6 năm 2023

Số: 225  
**ĐẾN** Ngày: 19/06/2023  
Chuyển: .....  
Số và ký hiệu HS: .....

**THÔNG BÁO**  
**KẾT LUẬN CỦA ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ TỈNH ỦY**  
**tại buổi làm việc Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh và các địa**  
**phương về tình trạng thiếu giáo viên trên địa bàn tỉnh**

Ngày 02/6/2023, Đồng chí Nguyễn Hồng Lĩnh, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì buổi làm việc nghe Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cấp ủy địa phương báo cáo về tình trạng thiếu giáo viên trên địa bàn tỉnh; cùng dự làm việc có các đồng chí Đặng Minh Nguyệt, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy; đồng chí Nguyễn Sơn Hùng, Tỉnh ủy viên, Ủy viên Ban Cán sự đảng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Lãnh đạo các sở, ngành: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư; Thường trực các huyện ủy, thành ủy.

Sau khi nghe đại diện Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo về tình trạng thiếu giáo viên trên địa bàn tỉnh và một số định hướng trong thời gian tới, những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc; ý kiến phát biểu của các đồng chí tham dự hội nghị, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy kết luận và chỉ đạo như sau:

Chất lượng giáo dục là vấn đề quan trọng cần phải quan tâm, do đó, để tiếp tục thực hiện hiệu quả và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trong thời gian tới, đề nghị Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp ủy các địa phương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt một số nội dung sau:

**\* Đối với Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh:**

1- Rà soát bổ sung quy hoạch trường học (đất đai, số lượng trường, lớp...), xây dựng phương án quy hoạch trường, lớp từ nay đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2040 một cách căn cơ để đảm bảo phát triển lâu dài; Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện, báo cáo cho Thường trực Tỉnh ủy trong tháng 8/2023.

2- Triển khai thực hiện tốt mô hình xã hội hóa theo các hướng: (1) Nhà nước sử dụng đất công, xây dựng trường và giao doanh nghiệp quản lý, điều hành hoạt động; (2) Nhà nước giao đất, doanh nghiệp xây dựng trường, quản lý, điều hành hoạt động; (3) Doanh nghiệp tự lo đất, xây dựng trường và quản lý, điều hành hoạt động; xã hội hóa công tác giáo dục là chính sách huy động mọi nguồn lực của nhân dân, của các tổ chức kinh tế – xã hội tham gia vào sự

nghiệp giáo dục, đầu tư vào hoạt động giáo dục dưới sự quản lý của Nhà nước, làm cho giáo dục phù hợp, thích ứng với sự phát triển của xã hội, đảm bảo cân bằng giữa hoạt động giáo dục và xã hội với mục tiêu phục vụ lợi ích của cộng đồng, của Nhân dân và của toàn xã hội.

3- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp các đơn vị liên quan thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh chính sách hỗ trợ, đãi ngộ cho đội ngũ giáo viên; chăm lo cuộc sống cho đội ngũ giáo viên để thu hút mới và giữ chân đội ngũ giáo viên đang công tác tại các cơ sở giáo dục; đặc biệt quan tâm chính sách cho giáo viên mầm non, vùng sâu vùng xa; thực hiện trước Ngày khai giảng năm học mới, năm học 2023-2023.

4- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, xác định cụ thể số lượng, cơ cấu giáo viên còn thiếu của địa phương theo từng cấp học, môn học và có đề xuất, kiến nghị Bộ Nội vụ bổ sung biên chế giáo viên trong tổng số biên chế giáo viên bổ sung nhằm bảo đảm lộ trình và cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của địa phương. Đồng thời, phối hợp Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh hỗ trợ các trường học giảng dạy các bộ môn nghệ thuật, âm nhạc, đảm bảo thực hiện tốt theo chương trình giáo dục phổ thông mới.

**\* Đối với Thường trực các huyện ủy, thành ủy:**

1- Chỉ đạo các ngành liên quan đề xuất các giải pháp để giải quyết những khó khăn trong công tác tuyển dụng giáo viên theo đúng quy định của pháp luật; thực hiện chặt chẽ, có chất lượng công tác tuyển dụng với mục tiêu là phải tuyển đủ giáo viên, trường hợp chưa tuyển đủ biên chế thì nghiên cứu tăng số lượng giáo viên hợp đồng, giáo viên thỉnh giảng, phụ cấp làm thêm giờ cho giáo viên, đảm bảo số lượng cơ cấu giáo viên trên lớp, cơ cấu giáo viên theo bộ môn, đạt chuẩn về trình độ theo quy định; lãnh đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm về việc thiếu biên chế giáo viên trên địa bàn và không thực hiện việc điều động giáo viên sang công tác tại các ngành khác khi các trường còn thiếu.

2- Chỉ đạo rà soát, tính toán và xác định nhu cầu tuyển dụng và đào tạo giáo viên của từng trình độ, cấp học, ngành học, môn học; chủ động đặt hàng đào tạo giáo viên với các cơ sở đào tạo phù hợp với lộ trình phát triển giáo dục, kế hoạch đào tạo đội ngũ giáo viên hàng năm và dài hạn của địa phương; trong đó, chú trọng phát huy sử dụng nguồn nhân lực tại địa phương, xây dựng kế hoạch đào tạo, hướng nghiệp cho đội ngũ học sinh, sinh viên tại địa phương để gắn kết đào tạo và bố trí công tác sau đào tạo đáp ứng nhu cầu giáo viên trên địa bàn.

3- Tiếp tục tăng cường công tác truyền thông nhằm tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, chính sách xã hội hóa về giáo dục, y tế, văn hóa cho người dân, để nâng cao nhận thức nhằm thực hiện có hiệu quả chủ trương huy động các nguồn lực của xã hội cho giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục - thể thao, tạo sự đồng thuận của người dân đối với mục tiêu xã hội hóa trên các

lĩnh vực. Tuyên truyền và định hướng cho người dân, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh, nhất là lực lượng lao động cho Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

**\* Đối với Ban Tổ chức Tỉnh ủy:**

- Thực hiện tốt việc quản lý và sử dụng biên chế của hệ thống chính trị tỉnh, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện biên chế của các cơ quan, tổ chức, địa phương, đơn vị trực thuộc; có trách nhiệm phối hợp với các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp về quản lý biên chế, sử dụng biên chế của các đơn vị; chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quản lý và sử dụng biên chế của các đơn vị, địa phương.

Trên đây là kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại buổi làm việc với Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cấp ủy địa phương về tình trạng thiếu giáo viên trên địa bàn tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo để Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, địa phương biết, triển khai thực hiện; báo cáo kết quả cho Thường trực Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Các đ/c TVTU,
- Các đơn vị dự họp,
- BCS đảng UBND tỉnh,
- VP.UBND tỉnh,
- CP.VPTU - L2, C3, P.KT-XH,
- Lưu VPTU.

L2-M3T/TB207/30

**CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Viên Hồng Tiến**

